

## **Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm**

Ngày 12/11/2020, Bộ Lao động thương binh và xã hội ban hành Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH về Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2021.

Các Quyết định, Thông tư hết hiệu lực thi hành, gồm:

- Các Quyết định: Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13 tháng 10 năm 1995; Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30 tháng 7 năm 1996; Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26 tháng 12 năm 1996; Quyết định số 190/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 1999; Quyết định số 1580/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2000; Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

- Thông tư 36/2012/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 ban hành bổ sung danh mục nghề, công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

- Thông tư 15/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm....

Thời gian người lao động làm các nghề, công việc ban hành kèm theo các Quyết định, Thông tư bị bãi bỏ trên vẫn được tính là thời gian làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cho đến ngày Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH có hiệu lực.

Thông tư cũng quy định, hàng năm người sử dụng lao động chủ động rà soát, đánh giá Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo phương pháp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định để đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ và quản lý trong từng thời kỳ.

Công đoàn ĐSVN giới thiệu Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có liên quan đến các nghề, công việc trong ngành ĐSVN.

**DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM VÀ NGHỀ, CÔNG VIỆC ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC NGHỀ, CÔNG VIỆC TRONG NGÀNH ĐƯỜNG SẮT**  
(Trích từ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội)

**I. KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
<b>Điều kiện lao động loại VI</b>		
1	Sấy, nghiền, trộn, đóng gói, vật liệu nổ.	Công việc độc hại, nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, ồn, bụi và hóa chất độc (TNT, Cl <sub>2</sub> , Licacmon...).
2	Lái máy xúc dung tích gầu từ 8m <sup>3</sup> trở lên.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi, ồn và rung vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
<b>Điều kiện lao động loại V</b>		
1	Khoan khai thác đá bằng búa máy cầm tay.	Làm việc trên các sườn núi đá, công việc nặng nhọc, nguy hiểm ảnh hưởng của bụi, ồn và rung rất lớn.
2	Vận hành khoan xoay cầu, khoan búa ép hơi.	Làm ngoài trời, nguy hiểm, tiếp xúc thường xuyên với ồn cao và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép rất nhiều lần
3	Vận hành máy khoan super, khoan sông đờ, khoan đập cáp trên các mỏ lộ thiên.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn và rung lớn.
4	Bắn mìn lộ thiên.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, bụi và khí NO <sub>2</sub> .
5	Khai thác đá thủ công.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của nóng, bụi và ồn, dễ mắc bệnh nghề nghiệp.
6	Lái, phụ xe, áp tải xe chở vật liệu nổ.	Công việc độc hại, nguy hiểm, chịu tác động cả bụi, ồn và rung.
7	Bảo quản, bốc xếp vật liệu nổ.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, khí độc.
8	Thủ nổ.	Làm việc ngoài trời, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, bụi và NO <sub>2</sub> .

9	Lái máy gạt, ủi có công suất từ 180 CV trở lên.	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của bụi, ồn cao và rung mạnh.
<b>Điều kiện lao động loại IV</b>		
1	Sửa chữa cơ điện trên các mỏ lộ thiên.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, dầu mỡ và bụi.
2	Vận hành băng tải, máy nghiền, sàng than, đá; chọc máng than, chọc máng quang lật điện, tời gậm sàng.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
3	Bảo vệ, giao nhận, thủ kho, phụ kho xí nghiệp sản xuất vật liệu nổ.	Nơi làm việc nguy hiểm, kém thông thoáng, chịu tác động của khí, bụi độc.
4	Lái máy gạt, ủi công suất dưới 180 CV	Chịu tác động của nóng, bụi, ồn và rung.
5	Lái máy xúc dung tích gầu dưới 4 m <sup>3</sup> .	Chịu tác động của nóng, bụi, ồn và rung.
6	Vận hành máy nghiền sàng đá.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn, rung và bụi nồng độ rất cao.
7	Lái xe vận tải chở than, đá trong khu khai thác mỏ	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của rung, ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.

## II. CƠ KHÍ

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
<b>Điều kiện lao động loại V</b>		
1	Nấu hợp kim chì, thiếc đúc cut-xi-nê và các chi tiết đầu máy xe lửa	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bức xạ nhiệt và hơi chì vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
2	Nấu hợp kim chì, thiếc đúc các chi tiết toa xe lửa.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bức xạ nhiệt và hơi chì vượt tiêu chuẩn cho phép.
<b>Điều kiện lao động loại IV</b>		
1	Hàn thủ công vành bánh xe lửa	Chịu tác động của khí hàn, tia hồ quang và hơi chì
2	Gõ rì nôi hơi, đầu máy, toa xe bằng thủ công.	Tư thế gò bó, chịu tác động của bụi nồng độ cao và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.

3	Đánh rỉ sắt bằng máy cầm tay	Chịu tác động của ồn cao, rung lớn và bụi nồng độ cao
4	Lồng băng đa bánh xe lửa	Làm việc trong môi trường từ tính, nặng nhọc, độc hại, ồn
5	Sơn toa xe	Tiếp xúc thường xuyên với hóa chất độc
6	Nguội sửa chữa đầu máy, toa xe lửa	Công việc nặng nhọc, tư thế gò bó, tiếp xúc với dầu mỡ, bụi và ồn rất cao.
7	Khám, chữa toa xe lửa	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, tư thế gò bó, nơi làm việc bẩn, bụi và ồn.
8	Tiện vành bánh xe lửa	Công việc nặng nhọc, tư thế gò bó, ảnh hưởng của tiếng ồn cao
9	Sản xuất và lắp ráp ghi	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của bức xạ nhiệt và ồn rất cao
10	Đốt, dập nóng	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bức xạ nhiệt và ồn rất cao
11	Hàn điện, hàn hơi.	Tiếp xúc với nóng và hơi khí độc.
12	Mài khô kim loại.	Tiếp xúc với bụi đá, bụi kim loại, rung và ồn.
13	Bả ma tít và sơn xì thân máy.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, dung môi pha sơn và hơi xăng.
14	Vệ sinh công nghiệp nhà máy cơ khí	Công việc thủ công nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với bụi, hóa chất.
15	Sản xuất vỏ tàu và các sản phẩm từ Composit	Tiếp xúc với các hóa chất độc như: butanol, axetol, bông thủy tinh...

### III. VẬN TẢI

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
<b>Điều kiện lao động loại V</b>		
1	Lái đầu máy xe lửa	Thường xuyên lưu động trên tàu, luôn căng thẳng thần kinh, ảnh hưởng của tiếng ồn.

2	Nhân viên điều độ chạy tàu (Điều độ viên trực tiếp chỉ huy chạy tàu tại các trung tâm).	Công việc rất phức tạp, căng thẳng thần kinh tâm lý.
3	Vận hành xe nâng hàng xếp dỡ Container.	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khẩn trương.
4	Vận hành xe nâng hàng bách hóa (không phải Container).	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khẩn trương
5	Lái xe vận tải trong dây chuyền xếp dỡ.	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khẩn trương.
6	Bóc xếp thủ công	Môi trường bụi, ồn, hơi khí độc, cường độ lao động khẩn trương, nặng nhọc nguy hiểm.
<b>Điều kiện lao động loại IV</b>		
1	Điều độ viên trực tiếp chỉ huy chạy tàu tại các trung tâm (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Luôn giải quyết những việc phức tạp, căng thẳng thần kinh
2	Tuần đường, tuần cầu (đường sắt)	Đi lại nhiều, tập trung quan sát để kiểm tra đường, lưu động ngoài trời
3	Cấp than đầu máy hơi nước (tàu hoả)	Công việc nặng nhọc, nóng, bụi và ồn
4	Lái ô tô ray, xe goòng	Thường xuyên lưu động, ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi
5	Trưởng đồn móc nối đầu máy toa xe ở các ga lớn (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Làm ngoài trời, đi lại nhiều, ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi
6	Nhân viên nấu ăn, phục vụ ăn uống trên tàu Bắc Nam	Lưu động theo tàu, công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, nóng, ồn
7	Trưởng tàu khách, trưởng tàu hàng.	Thường xuyên lưu động theo tàu, chịu tác động của ồn, rung và bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý.
8	Áp tải, bảo vệ, giao nhận hàng hoá, hành lý, thiết bị theo tàu.	Lưu động theo tàu, chịu tác động của ồn, rung và bụi.
9	Trực ban, điều độ, chạy tàu ở các ga.	Đi lại nhiều, giải quyết nhiều công việc phức tạp, căng thẳng thần kinh tâm lý.
10	Trưởng đồn, móc nối, dẫn máy ở các ga lập tàu.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, đi lại nhiều, chịu tác động của ồn và bụi.
11	Quay ghi đường sắt ở các ga lập tàu.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của ồn và bụi.
12	Gác chắn đường ngang cấp I, gác chắn cầu chung.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, bụi than và bụi

		hỗn hợp (khi tàu chạy qua).
13	Tuần hầm đường sắt.	Đi lại nhiều trong hầm tối, tập trung quan sát để kiểm tra đường.
14	Vệ sinh sân ga, vệ sinh toa xe ở các ga xe lửa.	Làm việc ngoài trời, ảnh hưởng của ồn và bụi
15	Lắp đặt và đại tu thiết bị thông tin tín hiệu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi.
16	Sàng và cấp cát đầu máy xe lửa.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của bụi nồng độ rất cao.
17	Vận hành bể luộc rửa phụ tùng đầu máy, toa xe.	Công việc nặng nhọc, luôn tiếp xúc với dầu mỡ và các hóa chất độc.
18	Phụ cầu, móc cáp.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
19	Phục vụ ăn, uống cho công nhân duy tu và đại tu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, đi lại nhiều, chịu tác động của nóng, bụi.
20	Điều khiển máy bánh hơi thi công nền, mặt đường.	Làm việc nặng nhọc, ảnh hưởng của nóng, bụi và rung.
21	Lái xe vận tải từ 7 tấn đến dưới 20 tấn.	Nặng nhọc, căng thẳng thần kinh tâm lý, ồn, rung, nguy hiểm.
22	Sửa chữa cần cầu, máy, thiết bị thi công tại các công trình giao thông.	Làm việc ngoài trời, trên cao; chịu tác động của thời tiết thay đổi; tư thế làm việc gò bó, nguy hiểm.
23	Nhân viên phục vụ (nấu ăn, phục vụ ăn uống, dọn dẹp, vệ sinh toa, giường nằm) trên các đoàn tàu hỏa chở khách.	Phải kiêm nhiệm nhiều việc, công việc vất vả, thường xuyên lưu động theo tàu suốt ngày đêm. Chịu tác động của bụi, ồn, rung và khí hậu thay đổi của các miền trong một thời gian ngắn.
24	Cấp nhiên liệu cho đầu máy, toa xe.	Công việc độc hại, tiếp xúc thường xuyên với xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu.
25	Vận hành, điều khiển cầu đường sắt.	Tiếp xúc thường xuyên với ồn, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
26	Phun bi, tẩy rỉ kim loại.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, rung và bụi nồng độ cao.
27	Vận hành máy đầm, máy rung, máy dùi, máy xiết đinh đường sắt.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của tiếng ồn và rung lớn.

28	Sản xuất bê tông (tà vẹt bê tông, cầu kiện bê tông...).	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, ồn và bụi.
29	Duy tu, vệ sinh cầu Thăng Long.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
30	Gác chắn đường ngang.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép. Công việc nặng nhọc căng thẳng, nguy cơ tai nạn cao.
31	Vận hành máy thi công đường sắt (máy sang đá, máy thay tà vẹt, máy hàn ray, máy mài ray, máy xúc đào, máy đa năng)	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc lầy lội, ẩm ướt, chịu tác động của ồn, rung. Thường xuyên tiếp xúc với các loại axit, kiềm, xút....
32	Mộc, nề, kiến trúc, sắt, sửa chữa cơ khí tại hiện trường (đường sắt)	Chịu tác động hơi kiềm, ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép

#### IV. XÂY DỰNG GIAO THÔNG

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
<b>Điều kiện lao động loại VI</b>		
1	Ngâm tẩm, bảo quản tà vẹt phòng mục bán tự động	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm và độc hại do phải tiếp xúc trực tiếp với hóa chất độc mạnh (phenol) ở nồng độ rất cao.
<b>Điều kiện lao động loại V</b>		
1	Vận hành máy chèn đường sắt.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của tiếng ồn, rung lớn.
2	Kích kéo lắp dầm thép trên cao	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của rung và ồn.
3	Đổ bê tông, xây móng, trụ cầu.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn và rung.
4	Gia công cọc, ván thép; lao lắp nâng hạ dầm cầu.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn và rung.
5	Phun cát tẩy rỉ	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung, bụi nồng độ rất cao.

6	Vận hành máy đóng cọc xây dựng công trình.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc dầu mỡ, ồn, tư thế làm việc gò bó.
7	Lái cầu nổi thi công cầu và lao lắp dầm cầu.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của tiếng ồn cao.
8	Tán đinh ri vê kết cấu thép.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, nóng, khí CO và CO <sub>2</sub> .
9	Khoan nhồi bê tông tạo cọc móng trụ cầu; vận hành máy tạo vữa Ben-tô-nít vào lỗ khoan cọc nhồi.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, luôn tiếp xúc với hóa chất và ồn.
10	Làm việc dưới móng trụ cầu trong vòng vây cọc, ván thép	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của tiếng ồn.
11	Pha chế sơn và phun sơn dầm cầu.	Tiếp xúc hóa chất độc hại, tư thế lao động gò bó.
12	Hàn đối đầu các dầm cầu thép.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, thường xuyên tiếp xúc hơi khí độc.
13	Sử dụng máy quang tuyến X chụp mối hàn dầm cầu, mặt cầu thép.	Làm việc ngoài trời, tư thế lao động gò bó, chịu tác động trực tiếp của tia Rơn ghen.
14	Đào đất, đá hạ giếng chìm bằng thủ công.	Lao động thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi và ồn.
15	Phá đá, phá trụ cầu, phá dầm cầu dưới nước.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
16	Thợ sắt, thợ hàn sắt trên các công trình xây dựng và sửa chữa cầu	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, rung, khí CO <sub>2</sub> , CO...
17	Làm mới, đại tu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc.
<b>Điều kiện lao động loại IV</b>		
1	Sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu cầu, đường sắt	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc, bụi
2	Vệ sinh sân ga, vệ sinh toa xe ở các ga (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Làm ngoài trời, ảnh hưởng của ồn và bụi bản
3	Lái xe cần trục từ 20 tấn trở lên	Công việc nặng nhọc, nóng
4	Lái máy ủi	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn, rung và bụi



5	Đúc bê tông đầm cầu dự ứng lực, cọc ống ly tâm.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn cao, nóng và bụi.
6	Hàn ống thép phục vụ cọc khoan nhồi.	Làm việc ngoài trời, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của khí độc (khí hàn).
7	Làm ván khuôn cầu kiện đầm cầu, mố trụ cầu; làm sắt cầu, cầu cáp.	Lao động ngoài trời, nặng nhọc, nguy hiểm.
8	Điều khiển máy đầm bê tông, cầu kiện bê tông.	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của tiếng ồn, rung và bụi.
9	Đúc đẩy bê tông dự ứng lực	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, ồn và bụi.

## V. THÔNG TIN LIÊN LẠC, BUỒI CHÍNH VIỄN THÔNG

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
<b>Điều kiện lao động loại VI</b>		
1	Xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng cột cao ăng ten (từ 50m trở lên)	Xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng cột cao ăng ten (từ 50m trở lên)
2	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị thông tin trên cột cao ăng ten (từ 50 m trở lên).	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị thông tin trên cột cao ăng ten (từ 50 m trở lên).
<b>Điều kiện lao động loại V</b>		
1	Xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa cáp ngầm	Công việc thủ công, nặng nhọc, vị trí làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí; khi sửa chữa, bảo dưỡng bản thủ, hôi thối.
<b>Điều kiện lao động loại IV</b>		
1	Khai thác điện thoại (điện thoại viên cấp I, cấp II)	Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý
2	Khai thác phi thoại (điện thoại viên cấp I, cấp II)	Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý
3	Điện toán (truyền dẫn số liệu, quản lý danh bạ điện thoại, xử lý phần mềm và lập trình)	Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý

4	Sản xuất ống cáp nhựa thông tin.	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, hơi, khí và bụi độc.
5	Chặt, uốn, hàn sắt làm cốt bê tông, cấu kiện thông tin.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với ồn, bụi, ảnh hưởng của khí hàn, tia hồ quang.
6	Trộn, đổ bê tông sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn các cấu kiện thông tin bằng phương pháp bán thủ công.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, rất nặng nhọc, tiếp xúc với ồn, bụi, thường xuyên lưu động theo các công trình.
7	Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị truyền dẫn trên tuyến và mạng điện thoại nội hạt	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó.
8	Sửa chữa thiết bị đầu cuối thuê bao (điện thoại, Fax, máy nhắn tin...)	Nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất.
9	Tuần tra bảo vệ các tuyến cáp quang	Làm việc ngoài trời, thường xuyên phải đi tuần tra không kể ngày đêm, mưa, nắng.
10	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến cáp quang	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên làm việc ngoài trời không kể ngày đêm, mưa, nắng.
11	Chuyên khảo sát, đo đạc và lắp đặt các công trình thông tin	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của điện từ trường.
12	Hệ thống bưu chính trên phương tiện tàu hỏa tuyến Bắc – Nam	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, rung, xóc.
13	Kiểm soát, thu đo tần số, máy phát vô tuyến điện.	Thường xuyên lưu động, làm việc ngoài trời, trên cao, tư thế lao động gò bó; căng thẳng thần kinh.
14	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cáp quang và máy hàn nối cáp quang.	Thường xuyên lưu động, làm việc ngoài trời, tiếp xúc với tia laze.
15	Pha chế a xít, phóng nạp ắc quy.	Thường xuyên tiếp xúc với hơi, bụi chì; a-xít (H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> ) nồng độ cao.

## VI. Y TẾ

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
<b>Điều kiện lao động loại V</b>		
1	Diệt chuột, côn trùng và vi khuẩn gây bệnh.	Thường xuyên tiếp xúc với ổ bệnh, dịch nguy hiểm và hóa

		chất độc mạnh.
<b>Điều kiện lao động loại IV</b>		
1	Rửa tráng phim X quang.	Làm việc trong phòng kín, thiếu ánh sáng, căng thẳng thị giác, tiếp xúc với hóa chất độc
2	Xoa bóp, day bấm huyệt, vận động trị liệu, kéo nắn xương, bó bột. Dùng các máy cao tần, vi sóng điều trị bệnh.	Xoa bóp, day bấm huyệt, vận động trị liệu, kéo nắn xương, bó bột. Dùng các máy cao tần, vi sóng điều trị bệnh.
3	Lấy mẫu, phân tích, đánh giá các yếu tố có hại về vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường thuộc hệ dự phòng, vệ sinh phòng dịch.	Chịu tác động của các yếu tố độc hại, nguy hiểm của môi trường lao động.

## VII. XÂY DỰNG (XÂY LẮP)

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động
<b>Điều kiện lao động loại VI</b>		
1	Vận hành máy khoan trong hầm.	Làm việc trong hầm kín, thiếu dưỡng khí, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, thường xuyên chịu tác động của ồn, rung và bụi đá.
2	Nổ mìn trong hầm.	Công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của ồn, bụi và NO <sub>2</sub> .
<b>Điều kiện lao động loại V</b>		
1	Vận hành các loại xe, máy thi công, xây lắp trong hầm.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên chịu tác động của tiếng ồn, rung, bụi.
2	Vận hành, lắp ráp, sửa chữa các loại máy, thiết bị phục vụ thi công, xây lắp trong hầm.	Công việc nguy hiểm, làm việc trong môi trường ồn, bụi nhiều.
3	Chuyên xây lắp thủ công trong hầm.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu ảnh hưởng của ồn và bụi.
4	Hàn điện, hàn hơi trong hầm.	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu khí, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của khí độc.
<b>Điều kiện lao động loại IV</b>		

1	Thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo kỹ thuật trong hầm.	Làm việc trong môi trường ồn và bụi nhiều.
2	Vận hành máy trộn bê tông.	Thường xuyên làm việc trong môi trường ồn và bụi.
3	Vận hành máy phun vữa, phun xi măng.	Chịu ảnh hưởng của ồn, công việc nặng nhọc.

## VIII. VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
<b>Điều kiện lao động loại IV</b>		
1	Thu dọn rác bến tàu, xe; quét rác đường phố.	Thường xuyên tiếp xúc với rác bẩn và bụi nồng độ cao.
2	Thu dọn nhà vệ sinh công cộng bến tàu, bến xe; chế biến đất độn phân.	Làm việc trong môi trường ô nhiễm, công việc thủ công, nặng nhọc.